

UBND HUYỆN CHƯ PƯH
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN
CÔNG CHỨC CẤP XÃ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/TB-HĐXT

Chư Puh, ngày 27 tháng 02 năm 2017

DANH SÁCH
THÍ SINH THAM DỰ KỲ PHÒNG VẤN XÉT TUYỂN CÔNG CHỨC CẤP XÃ NĂM 2016

Đơn vị cần tuyển dụng	Vị trí dự tuyển	Số báo danh	STT	Họ và tên		Năm sinh		Dân tộc	Trình độ đào tạo các mặt				Hình thức đào tạo chuyên môn	Xếp hạng tốt nghiệp	Đổi tượng ưu tiên (ghi diện ưu tiên cao nhất)	Ghi chú
						Nam	Nữ		Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	Tin học				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	13	14	15	16	17	18	19	20
THỊ TRẦN NHON HÒA	Văn phòng - Thống kê	VPTK-01	1	Phan Thị	Hải		03/08/1986	Kinh	ĐH	Ngữ văn	B	A	CQCL	TBK	Không	
		VPTK-02	2	Lê Thị Thu	Hiền		20/08/1987	Kinh	ĐH	Ngữ văn	Không	A	CQDL	Khá	Không	
		VPTK-03	3	Ngô Thị	Lài		12/09/1991	Kinh	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	B	B	CQCL	Khá	Không	
		VPTK-04	4	Nguyễn Thị	Liên		18/06/1983	Kinh	ĐH	Ngữ văn	A	B	CQCL	Khá	Không	
		VPTK-05	5	Thủy Thị Kim	Loan		06/04/1989	Kinh	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	B	A	CQCL	Khá	Không	
		VPTK-06	6	Đinh Thị	Luyện		03/10/1994	BahNar	ĐH	Giáo dục chính trị	B1	B	CQCL	Khá	BahNar	
		VPTK-07	7	Lê Thị Ly	Ly		16/11/1993	Kinh	ĐH	Hành chính học	B	B	CQCL	Khá	Không	
		VPTK-08	8	Bùi Minh	Nguyệt		06/04/1993	Kinh	ĐH	Hành chính học	B	B	CQCL	Khá	Không	
		VPTK-09	9	Nguyễn Quang	Tuân	20/08/1990		Kinh	ĐH	Giáo dục chính trị	B	B	CQCL	Khá	Không	

Đơn vị cần tuyển dụng	Vị trí dự tuyển	Số báo danh	STT	Họ và tên		Năm sinh		Dân tộc	Trình độ đào tạo các mặt				Hình thức đào tạo chuyên môn	Xếp hạng tốt nghệ	Đổi tượng ưu tiên (ghi diện ưu tiên cao nhất)	Ghi chú
						Nam	Nữ		Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	Tin học				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	13	14	15	16	17	18	19	20
XÃ IA HRÚ	Văn phòng - Thống kê	VPTK-10	10	Phạm Thị	An		21/10/1991	Kinh	ĐH	Hành chính học	B	B	CQCL	Khá	Không	
		VPTK-11	11	Đinh Văn	Bình	27/10/1990		Kinh	ĐH	Quản trị văn phòng	Không	A	LTDL	Khá	Không	
		VPTK-12	12	Lương Hồng	Đông	30/11/1990		Kinh	ĐH	Hành chính học	B	B	CQCL	Khá	Không	
		VPTK-13	13	Trần Thị	Giang		17/07/1993	Kinh	ĐH	Hành chính học	B	B	CQCL	Khá	Không	
		VPTK-14	14	Nguyễn Thị	Hạnh		19/08/1993	Kinh	CĐ	Quản trị văn phòng	Không	B	CQCL	TBK	Không	
		VPTK-15	15	Trần Thị	Hoa		01/06/1990	Kinh	ĐH	Quản trị văn phòng	Không	KTV	LTDL	Khá	Không	
		VPTK-16	16	Bùi Văn	Khánh	02/07/1989		Mường	ĐH	Hành chính học	B	B	CQCL	TBK	Người HT NVQS	
		VPTK-17	17	Đỗ Hoàng	Nguyên	18/08/1990		Kinh	ĐH	Quản trị văn phòng	B	B	CQDL	Khá	Không	
		VPTK-18	18	Trần Viết	Phiếm	06/03/1982		Kinh	ĐH	Giáo dục chính trị	A	B	CQCL	TB	Không	
		VPTK-19	19	Nguyễn Hoài	Phương	18/09/1991		Kinh	ĐH	Hành chính học	B	B	CQCL	Khá	Không	
		VPTK-20	20	Trần Ngọc	Sự	20/11/1994		Tày	ĐH	Quản lý nhà nước	B	B	CQCL	Khá	Không	
		VPTK-21	21	Võ Thị Mai	Sương		05/01/1991	Kinh	CĐ	Quản trị văn phòng	Không	B	CQCL	TBK	Không	
		VPTK-22	22	Doãn Thanh	Tài	27/07/1991		Kinh	ĐH	Hành chính học	B	B	CQCL	TBK	Không	
		VPTK-23	23	Rah Lan H'	Trang		25/03/1990	Jrai	CĐ	Quản trị văn phòng	B	A	LTCL	Khá	Jrai	
		VPTK-24	24	Trần Thị Bích	Vân		16/12/1989	Kinh	ĐH	Quản trị văn phòng	A	B	LTDL	Giỏi	Không	
		VPTK-25	25	Siu H'	Vot		26/10/1992	Jrai	ĐH	Quản lý nhà nước	B	B	CQCL	Khá	Jrai	

Đơn vị cần tuyển dụng	Vị trí dự tuyển	Số báo danh	STT	Họ và tên		Năm sinh		Dân tộc	Trình độ đào tạo các mặt				Hình thức đào tạo chuyên môn	Xếp hạng tốt nghệ nghiệp	Đối tượng ưu tiên (ghi diện ưu tiên cao nhất)	Ghi chú
						Nam	Nữ		Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	Tin học				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	13	14	15	16	17	18	19	20
XÃ IA BLŨ	Văn hóa - Xã hội	VHXXH-01	1	Vương Kim	Hồng		06/02/1991	Kinh	ĐH	Quản lý văn hóa	A	B	Vừa học vừa làm. CL	Khá	Không	
		VHXXH-02	2	Nay H'	Phiút		17/11/1990	Jrai	TC	Quản lý văn hóa	Không	B	CQCL	Khá	Jrai	
		VHXXH-03	3	Kpă	Thu	30/11/1991		Jrai	ĐH	Quản lý văn hóa	B	A	LTCL	TBK	Jrai	
XÃ IA PHANG	Tư pháp - Hộ tịch	TPHT-01	1	Nguyễn Thị	Nga		17/06/1990	Kinh	ĐH	Luật học	B	B	CQCL	Khá	Không	
		TPHT-02	2	Nay Đức	Thọ	29/04/1991		Jrai	ĐH	Luật Hình sự	B	B	CQCL	TBK	Jrai	
		TPHT-03	3	Nguyễn Thị Huyền	Trang		16/10/1992	Kinh	ĐH	Luật Hành chính	B	B	CQCL	Khá	Con đẻ của người HĐKCB NCĐM DC	
		TPHT-04	4	Lê Quang	Vũ	25/09/1992		Kinh	ĐH	Luật	B	B	CQCL	TB	Không	

Đơn vị cần tuyển dụng	Vị trí dự tuyển	Số báo danh	STT	Họ và tên		Năm sinh		Dân tộc	Trình độ đào tạo các mặt				Hình thức đào tạo chuyên môn	Xếp hạng tốt nghệ nghiệp	Đổi tượng ưu tiên (ghi diện ưu tiên cao nhất)	Ghi chú
						Nam	Nữ		Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	Tin học				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	13	14	15	16	17	18	19	20
XÃ IA HRÚ	Tư pháp - Hộ tịch	TPHT-05	5	Phạm Thị Thúy	Diễm		24/08/1994	Kinh	TC	Pháp luật	B	B	CQCL	Giỏi	Không	
		TPHT-06	6	Nguyễn Văn	Giáp	27/04/1994		Kinh	ĐH	Luật Hành chính	B	B	CQCL	Khá	Không	
		TPHT-07	7	Võ Thị	Hạnh		06/10/1994	Kinh	ĐH	Luật	B	B	CQCL	Khá	Không	
		TPHT-08	8	Trần Tô Thu	Hiền		01/11/1995	Kinh	CD	Dịch vụ pháp lý	B	B	CQCL	Giỏi	Không	
		TPHT-09	9	Huỳnh Xuân	Huy	09/02/1984		Kinh	ĐH	Luật Kinh tế	Không	TC	Từ xa. CL	TBK	Không	
		TPHT-10	10	Hoàng Minh	Khởi	19/10/1992		Kinh	ĐH	Luật Hình sự	Không	B	CQCL	TB	Không	HKTT dưới 36t
		TPHT-11	11	Lê Thị	Phương		10/10/1993	Kinh	ĐH	Luật Hình sự	B	B	CQCL	Khá	Không	
		TPHT-12	12	Sầm Đức	Thiện	10/11/1994		Tày	ĐH	Luật Hình sự	B	B	CQCL	Khá	Không	
		TPHT-13	13	Nguyễn Thị Kim	Thoa		18/01/1993	Kinh	TC	Pháp luật	B	B	CQDL	Khá	Không	
		TPHT-14	14	Mai Thị Ý	Thơm		07/06/1993	Kinh	ĐH	Luật Hình sự	C	B	CQCL	Khá	Không	
		TPHT-15	15	Hồ Nguyễn Kiều	Trâm		02/01/1994	Kinh	ĐH	Luật Thương mại	Toeic 530	A	CQCL	Khá	Không	
		TPHT-16	16	Đinh Thị Hà	Trang		31/03/1994	Kinh	ĐH	Luật Hành chính	B	B	CQCL	Khá	Không	
		TPHT-17	17	Nguyễn Thị Thùy	Trang		28/10/1994	Kinh	CD	Dịch vụ pháp lý	B	B	CQCL	Giỏi	Không	
		TPHT-18	18	Nguyễn Thị Hồng	Vân		20/04/1992	Kinh	ĐH	Luật	Toeic 480	A	CQCL	Khá	Không	

Đơn vị cần tuyển dụng	Vị trí dự tuyển	Số báo danh	STT	Họ và tên		Năm sinh		Dân tộc	Trình độ đào tạo các mặt				Hình thức đào tạo chuyên môn	Xếp hạng tốt nghệ nghiệp	Đổi tượng ưu tiên (ghi điện ưu tiên cao nhất)	Ghi chú
						Nam	Nữ		Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	Tin học				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	13	14	15	16	17	18	19	20
THỊ TRẦN NHON HÒA	Tài chính - Kế toán	TCKT-01	1	Lê Thị Hồng	Ánh		29/10/1994	Kinh	ĐH	Kế toán	C	A	CQCL	Khá	Không	
		TCKT-02	2	Trần	Dũng	21/04/1989		Kinh	ĐH	Kế toán	B	KTV	LTCL	Khá	Không	
		TCKT-03	3	Dụng Thị Mỹ	Giang		26/06/1989	Kinh	ĐH	Tài chính-Ngân hàng	C	B	LTCL	Khá	Không	
		TCKT-04	4	Hoàng Minh	Hải	18/03/1988		Kinh	ĐH	Tài chính-Ngân hàng	Không	B	CQDL	Khá	Không	
		TCKT-05	5	Nguyễn Thị	Liều		10/04/1993	Kinh	ĐH	Tài chính-Ngân hàng	B	B	CQCL	Khá	Không	
		TCKT-06	6	Nguyễn Thị	Phương		30/10/1994	Kinh	ĐH	Kế toán	C	B	CQCL	Giỏi	Không	
		TCKT-07	7	Phan Thị Thương	Thân		06/06/1992	Kinh	ĐH	Kế toán	B	B	CQCL	Giỏi	Không	
		TCKT-08	8	Đặng Thị Thanh	Tuyền		19/10/1992	Kinh	ĐH	Tài chính-Ngân hàng	B	B	CQCL	Khá	Không	
XÃ IA BLÚ	Tài chính - Kế toán	TCKT-09	9	Bùi Thị	Chung		22/09/1989	Kinh	ĐH	Kế toán	B	B	Vừa học vừa làm. CL	TBK	Không	
		TCKT-10	10	Ngân Thị	Huệ		26/08/1994	Tày	ĐH	Tài chính-Ngân hàng	C	B	CQCL	Khá	Không	
		TCKT-11	11	Nay	Hưng	06/04/1992		Jrai	ĐH	Kế toán	Không	A	CQCL	TB	Jrai	
		TCKT-12	12	Ngô Thị Ngọc	Huyền		14/07/1991	Kinh	ĐH	Tài chính ngân hàng	Toeic 550	B	LTDL	Giỏi	Không	
		TCKT-13	13	Nguyễn Thị Quỳnh	Nha		27/03/1992	Kinh	ĐH	Kế toán	B	B	CQCL	Khá	Không	
		TCKT-14	14	Lê Thị Minh	Thư		10/01/1991	Kinh	ĐH	Tài chính-Ngân hàng	C	B	CQCL	Khá	Không	
		TCKT-15	15	Nguyễn Văn	Thuận	12/12/1989		Kinh	ĐH	Tài chính ngân hàng	C	B	LTCL	Khá	Không	
		TCKT-16	16	Phạm Thị	Trình		19/06/1983	Kinh	ĐH	Kế toán	A	KTV	LTCL	TBK	Không	
		TCKT-17	17	Phan Thị Hồng	Trình		02/10/1992	Kinh	ĐH	Kế toán	C	B	LTCL	Khá	Không	
		TCKT-18	18	Nguyễn Thị Thúy	Tuyết		09/09/1992	Kinh	ĐH	Kế toán	B	KTV	LTDL	Khá	Không	

Đơn vị cần tuyển dụng	Vị trí dự tuyển	Số báo danh	STT	Họ và tên		Năm sinh		Dân tộc	Trình độ đào tạo các mặt				Hình thức đào tạo chuyên môn	Xếp hạng tốt nghiệp	Đối tượng ưu tiên (ghi diện ưu tiên cao nhất)	Ghi chú
						Nam	Nữ		Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	Tin học				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	13	14	15	16	17	18	19	20
XÃ IA RONG	Tài chính - Kế toán	TCKT-19	19	Siu	Bia	10/05/1985		Jrai	ĐH	Tài chính-Ngân hàng	C	B	CQCL	TB	Jrai	
		TCKT-20	20	Nguyễn Thị	Hà		20/06/1986	Kinh	ĐH	Kế toán	A	A	Vừa học vừa làm. CL	TB	Không	
		TCKT-21	21	Phan Thị Hồng	Lữ		29/11/1985	Kinh	ĐH	Kế toán	B	A	Vừa học vừa làm. CL	TBK	Không	
		TCKT-22	22	Bùi Thị	Luân		10/07/1989	Kinh	ĐH	Kế toán	B	B	Vừa học vừa làm. CL	Khá	Không	
		TCKT-23	23	Nguyễn Ngọc Thảo	Ly		16/12/1993	Kinh	ĐH	Tài chính-Ngân hàng	A2	B	CQCL	Khá	Không	
		TCKT-24	24	Siu Li	Na		20/08/1994	Jrai	TC	Kế toán tổng hợp	B	B	CQDL	Khá	Jrai	
		TCKT-25	25	Nguyễn Thị Thúy	Nga		09/09/1992	Kinh	ĐH	Kế toán	B	KTV	LTDL	Khá	Không	
		TCKT-26	26	Nguyễn Thị	Nhân		23/09/1992	Kinh	ĐH	Kế toán	B	B	CQCL	Giỏi	Không	
		TCKT-27	27	Nguyễn Thị Hồng	Nhạn		25/07/1991	Kinh	ĐH	Kế toán	B	B	CQCL	Khá	Không	
		TCKT-28	28	Trần Thị	Phượng		23/08/1990	Kinh	ĐH	Kế toán	B	B	CQDL	Khá	Không	
		TCKT-29	29	Nguyễn Thị Minh	Tâm		06/10/1993	Kinh	ĐH	Kế toán	Không	B	CQCL	TB	Không	
		TCKT-30	30	Hồ Thị Nguyên	Thi		25/10/1989	Kinh	ĐH	Kế toán	Không	B	LTCL	TBK	Không	
		TCKT-31	31	Phan Thị Xuân	Tiền		20/03/1992	Kinh	ĐH	Kế toán	B	B	CQCL	Khá	Không	
		TCKT-32	32	Nguyễn Thị	Trang		10/03/1992	Kinh	ĐH	Kế toán	TC	KTV	LTDL	Giỏi	Không	
		TCKT-33	33	Nguyễn Thị Thanh	Trúc		24/07/1992	Kinh	ĐH	Tài chính-Ngân hàng	Không	A	CQDL	TBK	Không	
		TCKT-34	34	Trần Thị	Tuyết		10/03/1992	Kinh	ĐH	Tài chính-Ngân hàng	B1	B	CQCL	Khá	Không	

Đơn vị cần tuyển dụng	Vị trí dự tuyển	Số báo danh	STT	Họ và tên		Năm sinh		Dân tộc	Trình độ đào tạo các mặt				Hình thức đào tạo chuyên môn	Xếp hạng tốt nghệ	Đối tượng ưu tiên (ghi diện ưu tiên cao nhất)	Ghi chú
						Nam	Nữ		Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	Tin học				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	13	14	15	16	17	18	19	20
XÃ IA DRENG	Tài chính - Kế toán	TCKT-35	35	Trần Thị Diễm	Châu		17/06/1984	Kinh	ĐH	Kế toán kiểm toán	C	KTV	LTDL	Giỏi	Không	
		TCKT-36	36	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm		11/08/1993	Kinh	ĐH	Kế toán	C	B	CQCL	Khá	Không	
		TCKT-37	37	Trần Thị	Hạnh		21/04/1989	Kinh	ĐH	Kế toán	B	KTV	LTCL	TBK	Con bệnh binh	
		TCKT-38	38	Lê Thị	Lan		15/05/1983	Kinh	ĐH	Kế toán	B	A	Từ xa. CL	TBK	Con thương binh	
		TCKT-39	39	Lê Thị Thanh	Mai		01/02/1989	Kinh	ĐH	Kế toán	B	B	CQDL	Khá	Không	
		TCKT-40	40	Nguyễn Thị Hồng	Minh		24/12/1992	Kinh	ĐH	Tài chính-Ngân hàng	B	B	CQCL	Giỏi	Không	
		TCKT-41	41	Bùi Thị	Nhàn		15/05/1989	Kinh	ĐH	Tài chính-Ngân hàng	Toeic 715	B	CQCL	Khá	Không	
		TCKT-42	42	Đỗ Thị	Nhung		05/10/1992	Kinh	ĐH	Tài chính-Ngân hàng	B	B	CQCL	Khá	Không	
		TCKT-43	43	Nguyễn Thị	Phương		03/04/1991	Kinh	ĐH	Kế toán	A	B	CQCL	Khá	Không	
		TCKT-44	44	Nguyễn Thị Ngọc Bích	Quỳnh		16/05/1988	Kinh	ĐH	Tài chính-Ngân hàng	B	B	CQCL	Khá	Không	
		TCKT-45	45	Lê Đình	Tiến	10/12/1990		Kinh	ĐH	Kế toán	B	B	LTDL	Khá	Người hoàn thành NVQS	
		TCKT-46	46	Đào Tú	Trinh		20/11/1994	Kinh	ĐH	Tài chính-Ngân hàng	C	B	CQCL	Khá	Không	
		TCKT-47	47	Bùi Quốc	Tuấn	28/06/1991		Kinh	ĐH	Tài chính ngân hàng	B	B	LTDL	Khá	Con thương binh	
		TCKT-48	48	Đặng Thị	Yến		05/06/1991	Kinh	ĐH	Kế toán	B	B	CQCL	Khá	Không	

Đơn vị cần tuyển dụng	Vị trí dự tuyển	Số báo danh	STT	Họ và tên		Năm sinh		Dân tộc	Trình độ đào tạo các mặt				Hình thức đào tạo chuyên môn	Xếp hạng tốt nghệ nghiệp	Đổi tượng ưu tiên (ghi diện ưu tiên cao nhất)	Ghi chú
						Nam	Nữ		Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	Tin học				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	13	14	15	16	17	18	19	20
XÃ IA LE	Tài chính - Kế toán	TCKT-49	49	Đoàn Thị Ngọc	Anh		06/10/1990	Kinh	ĐH	Kế toán	B	B	CQCL	Khá	Không	
		TCKT-50	50	Phan Thị Mỹ	Danh		14/10/1989	Kinh	CĐ	Kế toán	B	B	CQDL	Giỏi	Không	
		TCKT-51	51	Trần Thị Thanh	Duyên		31/05/1993	Kinh	ĐH	Kế toán	C	B	CQDL	Giỏi	Không	
		TCKT-52	52	Hoàng Thị Ngọc	Hà		16/09/1988	Kinh	ĐH	Kế toán	A	A	CQCL	TBK	Không	
		TCKT-53	53	Trần Thị Thúy	Hằng		05/10/1985	Kinh	ĐH	Kế toán	A	A	Từ xa. CL	Khá	Không	
		TCKT-54	54	Võ Ngân	Khánh		28/08/1994	Kinh	ĐH	Kế toán	C	B	CQCL	Khá	Không	
		TCKT-55	55	Nguyễn Thị Diệu	Linh		10/10/1991	Kinh	ĐH	Kế toán	B	KTV	LTDL	Xuất sắc	Không	
		TCKT-56	56	Sử Thị Cẩm	Nhung		12/09/1988	Kinh	CĐ	Kế toán	B	B	CQCL	Khá	Không	
		TCKT-57	57	Đỗ Thị	Quyên		07/10/1991	Kinh	ĐH	Kế toán	B	B	CQCL	Khá	Không	
		TCKT-58	58	Vì Thị	Quỳnh		15/03/1993	Kinh	ĐH	Kế toán	B1	B	CQCL	Khá	Không	
		TCKT-59	59	Kpă H'	Ri		16/06/1993	Jrai	CĐ	Tài chính-Ngân hàng	B	B	CQDL	TBK	Jrai	
		TCKT-60	60	Võ Thị	Trang		20/02/1991	Kinh	ĐH	Tài chính-Ngân hàng	C	KTV	CQDL	Khá	Không	
		TCKT-61	61	Nguyễn Đoàn Tùng	Vi		29/02/1990	Kinh	ĐH	Kế toán	B	A	Vừa học vừa làm. CL	Giỏi	Không	

Danh sách này có 107 người

TM. HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



TRƯỞNG PHÒNG NỘI VỤ
Nguyễn Văn Hạ

